

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 02/1999/TT-BKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp ưu đãi đầu tư

***theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số
03/1998/QH10***

Thi hành khoản 3, Điều 36, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 (sau đây gọi tắt là NĐ 51/1999/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp ưu đãi đầu tư (sau đây viết tắt là ƯĐĐT) như sau:

I. CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ƯĐĐT

Để được cấp ƯĐĐT, nhà đầu tư thuộc các đối tượng áp dụng Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, Điều 2, NĐ 51/1999/NĐ-CP gửi hồ sơ đăng ký ƯĐĐT đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định dưới đây:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của các doanh nghiệp thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền của Trung ương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở KH&ĐT) nơi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của:

- Các doanh nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp tỉnh) quyết định thành lập;
- Doanh nghiệp tư nhân, công ty (kể cả các công ty cổ phần do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án cổ phần hoá và quyết định chuyển doanh nghiệp nhà

nước thành công ty cổ phần);

- Liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã kinh doanh những ngành, nghề qui định tại khoản 1, Điều 13, Nghị định số 16/CP ngày 21/2/1997 của Chính phủ về chuyển đổi, đăng ký hợp tác xã và tổ chức hoạt động của liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi tắt là NĐ 16/CP);

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, của người nước ngoài thường trú ở Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, hoặc của công dân Việt Nam cùng thành lập với người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc với người nước ngoài thường trú ở Việt Nam theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi);

- Cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

3. UBND quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) nơi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của: Hợp tác xã không kinh doanh những ngành, nghề qui định tại khoản 1, Điều 13, NĐ 16/CP; cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 2/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Đối với những dự án thực hiện trên phạm vi nhiều địa phương, nhà đầu tư có thể đăng ký ưu đãi đầu tư tại một trong các địa phương đó.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ƯĐĐT

Nhà đầu tư gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ Hồ sơ đăng ký ƯĐĐT gồm 3 yếu tố sau đây:

1. Đơn đăng ký ƯĐĐT:

Nhà đầu tư có dự án đăng ký ƯĐĐT lần đầu, đơn được khai theo Mẫu MĐƯĐĐT (kèm theo Thông tư này); đăng ký bổ sung ưu đãi cho dự án đã được cấp ƯĐĐT theo quy định tại Điều 34 và Điều 46, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì theo Mẫu MĐ ƯĐĐTBS (kèm theo Thông tư này).

Đối với các dự án đăng ký bổ sung ưu đãi, phải có thêm Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư, mức và thời hạn ưu đãi đã hưởng (theo Mẫu BC THDA1 kèm theo Thông tư này).

Đối với các dự án đang thực hiện những nay mới đăng ký ưu đãi đầu tư thì phải có thêm Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư (theo Mẫu BC THDA2 kèm theo Thông tư này).

Nếu nhà đầu tư có yêu cầu miễn thuế nhập khẩu các thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì tự kê khai trong Đơn đăng ký ƯĐĐT hoặc lập thành danh mục kèm theo đơn (theo Mẫu DM MMTB kèm theo Thông tư này) và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của danh mục này.

2. Dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc phương án kinh doanh (dưới đây gọi chung là dự án đầu tư):

Đối với dự án mà Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ) quy định phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì gửi kèm theo bản sao hợp lệ Quyết định đầu tư.

Dự án đầu tư phải nêu rõ: chủ đầu tư; ngành, nghề đầu tư; địa điểm thực hiện; phương án kỹ thuật, công nghệ, nhu cầu thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải; phương án huy động vốn; số lao động sử dụng.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ):

Đối với doanh nghiệp Nhà nước mới thành lập chưa làm thủ tục đăng ký kinh doanh thì thay bằng bản sao hợp lệ Quyết định thành lập doanh nghiệp.

Đối với cá nhân và nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), là giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ sẽ thay cho Giấy phép kinh doanh theo quy định của Chính phủ đối với đối tượng này.

Đối với cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hoá dân tộc; là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Đối với các nhà đầu tư đăng ký thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh cùng với đăng ký ưu đãi đầu tư, thì thay bằng Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành của pháp luật.

Các nhà đầu tư là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam, sau khi xuất trình các giấy tờ về nguồn gốc của mình theo quy định tại điểm e và điểm f, khoản 1, Điều 43, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì tiến hành các thủ tục như các nhà đầu tư là công dân Việt Nam.

III. TRÌNH TỰ XÉT CẤP ƯĐĐT

1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét Hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của các doanh nghiệp nói tại điểm 1, Mục I của thông tư này, lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan nếu thấy cần thiết để quyết định việc cấp hay từ chối cấp Giấy chứng nhận ƯĐĐT (Mẫu GCNUĐĐT-TW), hoặc Giấy chứng nhận ƯĐĐT bổ sung (Mẫu GCNUĐĐTBS-TW kèm theo Thông tư này).

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh xem xét Hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được thành lập thuộc đối tượng qui định tại điểm 2, Mục I của Thông tư này, lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở, Ban, Ngành có liên quan nếu xét thấy cần thiết, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận ƯĐĐT (Mẫu GCNUĐĐT-ĐF), hoặc giấy chứng nhận ƯĐĐT bổ sung (Mẫu GCNUĐĐTBS-ĐF kèm theo Thông tư này).

c) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét Hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được thành lập thuộc đối tượng qui định tại điểm 3, Mục I của thông tư này, lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, các sở, ban, ngành khác có liên quan trong tỉnh nếu thấy cần thiết, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận ƯĐĐT hoặc Giấy chứng nhận ƯĐĐT bổ sung.

2. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký ƯĐĐT cùng với đăng ký kinh doanh:

a) Hồ sơ đăng ký ƯĐĐT của các dự án đầu tư gắn với việc thành lập các cơ sở sản xuất, kinh doanh mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch Đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành về trình tự, thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh, lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở,